

Số: 1167/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 5 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động về triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 480/TTr-SCT ngày 31/3/2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động về triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-17.5).



Trần Ngọc Trại

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1067 /QĐ-UBND ngày 19 / 5 /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **I. MỤC TIÊU:**

Tiếp tục thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách lớn đã đề ra tại Nghị quyết Trung ương 4, khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh, thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

### **II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:**

#### **1. Hoàn thiện thể chế về kinh tế:**

a) Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản pháp luật hiện hành; loại bỏ những văn bản, quy định chồng chéo, không còn phù hợp; ban hành các văn bản mới rõ ràng, cụ thể, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trên cơ sở nội dung về Hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế, đất đai, xây dựng, môi trường hướng tới rút ngắn thời gian, giảm chi phí cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai các thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai minh bạch các chính sách, thủ tục hành chính, quy trình tác nghiệp và thời hạn giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp và người dân trong hoạt động dịch vụ công để các doanh nghiệp và người dân biết, giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

#### **2. Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, doanh nghiệp và sản phẩm:**

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), thường xuyên rà soát,



điều chỉnh các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư để phát triển kinh tế xã hội.

b) Tăng cường phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ nhằm thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2013-2020.

c) Duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ổn định, tập trung đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm có lợi thế của tỉnh như: Hạt điều, cao su, sản phẩm gỗ... Đồng thời thực hiện hỗ trợ chuyển giao công nghệ tiên tiến trong sản xuất để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

d) Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các cơ chế, chính sách của nhà nước để hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, công nghiệp hỗ trợ...

đ) Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thúc đẩy phát triển thị trường nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh; tiếp tục triển khai các hiệp định về thương mại và đầu tư mà Việt Nam đã ký kết với các nước, khu vực nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, đồng thời hạn chế rủi ro trong quá trình tham gia hợp tác kinh tế quốc tế.

### **3. Phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường:**

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước để bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ tăng giá, thao túng thị trường, vi phạm pháp luật cạnh tranh.

b) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích đầu tư sáng tạo và đổi mới công nghệ; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến.

c) Nghiên cứu và thực hiện các biện pháp hỗ trợ điều tiết cung, cầu lao động giữa các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người lao động.

d) Thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tăng cường các hoạt động đưa hàng Việt về nông thôn, thực hiện tốt chương trình bình ổn thị trường và các mặt hàng thiết yếu.

### **4. Hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn:**

a) Tiếp tục phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng; công nghiệp hóa ngành nông nghiệp và nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, bền vững và khả năng cạnh tranh cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu đề xuất chính sách phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản của tỉnh; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

c) Nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu các quy định và tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất và xuất khẩu hàng hóa.

d) Tăng cường tiến độ thực hiện dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013-2020.

#### **5. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng:**

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

b) Tập trung phát triển công nghiệp, nhất là các sản phẩm công nghiệp phụ trợ, thu hút các dự án đầu tư có công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

c) Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội và triển khai hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

d) Coi trọng kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng, đặc biệt là triển khai các dự án đầu tư tại địa bàn chiến lược của tỉnh.

#### **6. Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực:**

a) Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, có kinh nghiệm, đảm bảo tính kế thừa cho hội nhập kinh tế quốc tế và chú trọng đào tạo nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế tại các Sở, ngành và địa phương.

b) Rà soát sắp xếp lại các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu lao động có chất lượng trong sản xuất và xuất khẩu nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động trong tỉnh.

#### **7. Củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế:**

a) Hàng năm tổng kết đánh giá kết quả hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh làm cơ sở cho việc đổi mới và tăng cường hội nhập kinh tế trong những năm tiếp theo.

b) Phát huy vai trò của các tổ chức hiệp hội ngành nghề, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi các chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Chú trọng việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình hội nhập kinh tế quốc tế để kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh và đề ra các giải pháp đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

## 8. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền:

a) Tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách lớn, quan điểm chỉ đạo của Đảng và nhà nước về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; phổ biến các cam kết, quyền lợi và nghĩa vụ của Việt Nam khi tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chương trình, sự kiện, hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam.

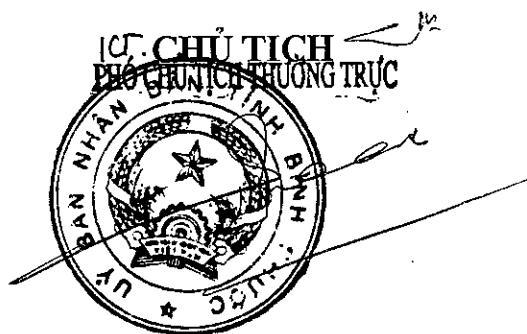
b) Xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế giữa các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân dễ tiếp cận và nắm bắt kịp thời các thông tin về hội nhập trong nước và quốc tế.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã căn cứ vào Chương trình này để xây dựng kế hoạch hành động cho ngành, địa phương mình đảm bảo thiết thực và hiệu quả. Định kỳ 06 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Giao Sở Công Thương giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng nội dung chương trình hành động này. Định kỳ 06 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh để biết, có ý kiến chỉ đạo.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách của tỉnh./.



Trần Ngọc Trai